TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2022/HSPT
Ngày 22-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long.**

Bà **Lê Thúy Cầu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2022/TLPT-HS ngày 24-01-2022 đối với bị cáo Ngô Càng T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HSST ngày 14-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo kháng cáo:

Ngô Càng T, sinh ngày 22-3-1955 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ I, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Ủy ban kiểm tra huyện ủy I quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 25-10-2021); con ông Ngô Nguyên A và bà Bùi Thị T (đều đã chết); vợ là Bùi Thị Huệ và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

(Vụ án có bị cáo Lê Tiến H kháng cáo, nhưng đã rút kháng cáo trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm; 02 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban Quản lý rừng phòng hộ I (sau đây viết tắt là BQL) được thành lập theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01-3-2007 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Gia Lai trên cơ sở chuyển đổi từ Lâm trường C II. BQL có chức

năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Ngày 09-4-2018, Thanh tra tỉnh Gia Lai có Quyết định số 41/QĐ-TTr về việc thanh tra toàn diện việc trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ diện tích rừng trồng tại BQL. Tại Kết luận thanh tra số 11/KL-TTr ngày 21-6- 2018, Thanh tra tỉnh Gia Lai xác định:

- BQL không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ rừng theo quy định tại các Điều 37, 60 và 62 của Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 và Điều 11 Quyết định số 59/QĐ-BNN ngày 19-6-2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giao khoán, chăm sóc bảo vệ rừng từ năm 2001 đến nay đã để bị lấn chiếm, cháy mất 360,10 ha rừng trồng gây thiệt hại, lãng phí tài sản nhà nước tương ứng với số tiền 12.485.967.000 đồng.

- BQL thực hiện việc giao khoán trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng trồng từ năm 2009 đến nay không đúng đối tượng, với tổng số tiền 4.146.273.000 đồng. BQL đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một số người dân địa phương để đưa họ ký một số chứng từ hoặc giả mạo chữ ký trên một số phiếu chi thanh toán chi phí trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, với số tiền là 2.626.905.000 đồng.

Kết luận thanh tra xác định các sai phạm nêu trên có dấu hiệu tội phạm, nên ngày 03-7-2017, Thanh tra tỉnh Gia Lai có Công văn số 271/TTr-PCTN chuyển hồ sơ vụ việc trồng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng nêu trên sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

Qua điều tra xác định: Từ năm 2001 đến năm 2015, BQL đã đầu tư trồng rừng, với tổng diện tích 717 ha (trong đó trồng rừng phòng hộ: 572,7 ha; trồng, chăm sóc làm giàu rừng 144,3 ha), tổng vốn đầu tư: 17.021.804.000 đồng. Các dự án trồng rừng cụ thể như sau:

- Dự án trồng rừng làm giàu năm 2001: Trồng 50 ha (Sao đen, mật độ 278 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 345 và tiểu khu 364), tổng chi phí đầu tư là 387.988.000 đồng. Ngày 27-4-2010, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc thu hồi đất rừng của BQL bàn giao cho Công ty 715, thuộc Binh đoàn 15 thuê đất để trồng cao su với diện tích 23,9 ha, số diện tích rừng trồng còn lại là 26,1 ha.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2002: Trồng 31 ha (Muồng, mật độ 1.600 cây/ha, vị trí trồng tại tiểu khu 344), tổng chi phí đầu tư là 334.222.000 đồng.

- Dự án trồng rừng làm giàu năm 2003: Trồng 53.8 ha (Sao đen, mật độ 278 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 345), tổng chi phí đầu tư là 495.502.000 đồng. Ngày 27-4-2010, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc thu hồi đất rừng của BQL để bàn giao cho Công ty 715, thuộc Binh đoàn 15 thuê để trồng cao su với diện tích 53,8 ha rừng trồng làm giàu năm 2003.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2003: Trồng 100 ha (Sao đen, mật độ 1.000 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 344), tổng chi phí đầu tư là 1.704.493.000 đồng.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2004: Trồng 120 ha (Muồng, mật độ 1.000 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 344), tổng chi phí đầu tư là 1.824.296.000 đồng.

- Dự án trồng rừng làm giàu năm 2004: Trồng 40.5 ha (Sao đen, mật độ 278 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 363 và Tiểu khu 364), tổng chi phí đầu tư là 285.558.000 đồng.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2005: Trồng 80 ha (Sao đen, mật độ 1.000 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 344), tổng chi phí đầu tư là 1.468.099.000 đồng.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2010: Trồng 123.5 ha (Keo, mật độ 1.600 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 365), tổng chi phí đầu tư là 6.455.666.000 đồng.

- Dự án trồng rừng phòng hộ năm 2015: Trồng 118.2 ha (Thông Caribe và Thông ba lá, mật độ 1.660 cây/ha, vị trí tại tiểu khu 363, 370 và 371), tổng chi phí đầu tư đến năm 2017 là 4.631.074.000 đồng.

Qua khám nghiệm hiện trường xác định:

- Rừng trồng làm giàu năm 2001, tại vị trí khoảnh 7, tiểu khu 345, xã Ia O và khoảnh 3, tiểu khu 364, xã Ia Chía. Tổng diện tích trồng đã nghiệm thu là 50 ha, có 23,9 ha đã được UBND tỉnh Gia Lai cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty 715 để trồng cao su, còn lại 26,1 ha không có loài cây Sao đen (cây rừng trồng theo nghiệm thu).

- Rừng trồng năm 2002 nằm xen kẽ, rải rác với rừng trồng năm 2003 và 2004 tại tiểu khu 344, xã Ia O. Tổng diện tích đã nghiệm thu là 31 ha, diện tích còn rừng trồng là 13,65 ha, diện tích mất rừng trồng (không có cây rừng trồng) là 17,35 ha.

- Rừng trồng năm 2003, tại vị trí khoảnh 2, tiểu khu 344, xã Ia O. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 100 ha, diện tích rừng trồng còn là 43,3 ha, diện tích mất rừng trồng (không có cây rừng trồng) là 56,7 ha.

- Rừng trồng làm giàu năm 2004, tại vị trí khoảnh 7, tiểu khu 363 và khoảnh 7, tiểu khu 364 xã Ia Chía. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 40,5 ha, diện tích mất rừng trồng (không có cây rừng trồng) là 40,5 ha.

- Rừng trồng năm 2004, tại vị trí khoảnh 3, tiểu khu 344, xã Ia O. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 120 ha, diện tích rừng trồng còn là 33,6 ha, diện tích mất rừng trồng (không có cây rừng trồng) là 86,4 ha.

- Rừng trồng năm 2005, tại vị trí khoảnh 2,4,7, tiểu khu 344, xã Ia O. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 80 ha, diện tích mất rừng trồng (không có cây rừng trồng) là 80 ha.

- Rừng trồng năm 2010, tại vị trí khoảnh 1,2,4,8, tiểu khu 365, xã Ia Chía. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 123,5 ha. Mật độ trung bình của cây rừng trồng còn lại là 5,1% so với nghiệm thu. Diện tích rừng bị mất là 117,2 ha.

- Rừng trồng năm 2015, tại vị trí khoảnh 7, tiểu khu 363; khoảnh 1,2,3,5, tiểu khu 370; khoảnh 6, tiểu khu 371, xã Ia Chía. Tổng diện tích rừng trồng đã nghiệm thu là 118,2 ha, có 53,1 ha rừng trồng thông bị cháy.

Trong diện tích rừng trồng còn lại, tại vị trí khoảnh 5, tiểu khu 370 trồng 18,2 ha cây thông Caribê, nhưng mật độ trung bình của cây chỉ còn 60,2% so với nghiệm thu; tại các vị trí khoảnh 1, 2, 3, tiểu khu 370; khoảnh 6, tiểu khu 371; khoảnh 7, tiểu khu 363 có tổng diện tích 46,9 ha, mật độ trung bình của cây rừng trồng còn lại là 27,8% so với nghiệm thu.

Tổng diện tích rừng trồng bị mất đã khám nghiệm là: 477,35 ha

Tại Kết luận giám định số 01/GĐV-TC ngày 07-7-2020, Giám định viên Tài chính - Kế toán kết luận:

- Giá trị thiệt hại của việc mất 26,1 ha rừng trồng làm giàu năm 2001 tại tiểu khu 364, xã Ia Chía là: 202.248.772 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc mất 17,35 ha rừng trồng năm 2002 tại tiểu khu 344, xã Ia O là: 168.250.970 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc mất 56,7 ha rừng trồng năm 2003 tại tiểu khu 344, xã Ia O là:753.356.552 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc mất 40,5 ha rừng trồng làm giàu năm 2004 tại tiểu khu 363, 364, xã Ia Chía là: 372.916.246 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc mất 86,4 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 344, xã Ia O thuộc lâm phần lâm phần quản lý của BQLR I là: 1.163.737.767 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc mất 80 ha rừng trồng năm 2005 tại tiểu khu 344, xã Ia O là: 1.348.605.800 đồng.

- Giá trị thiệt hại của việc để 94,9% số cây rừng trồng năm 2010 bị chết trên diện tích đất trồng 123,5 ha (tương đương 117,2 ha cây rừng trồng bị chết) tại tiểu khu 365, xã Ia Chía là: 6.112.050.186 đồng.

- Giá trị thiệt hại của 53,1 ha rừng trồng năm 2015 bị cháy tại các tiểu khu 363, 370, 371, xã Ia Chía là: 2.109.305.870 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại của rừng trồng các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2010 và 2015 là 12.230.472.163 đồng.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả điều tra xác minh và lời khai của bị cáo Ngô Càng T và bị cáo Lê Tiến H đã xác định: Ngô Càng T là Trưởng ban của BQL giai đoạn từ năm 2006 đến ngày 31-3-2015 và Lê Tiến H là Phó Trưởng ban phụ trách rồi Trưởng ban của BQL giai đoạn từ ngày 01-4-2015 đến tháng 4-2018 đã không thực hiện hết trách nhiệm của người đứng đầu, không làm hết chức trách nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cấp dưới phụ trách công tác quản lý, bảo vệ rừng (QLBVR), không có biện pháp để ngăn chặn, xử lý triệt để, không kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền, đề xuất giải pháp xử lý việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy dẫn đến để người dân phá, lấn chiếm rừng trồng, cây rừng trồng bị chết, gây thiệt hại về tài sản, cụ thể trách nhiệm của từng bị cáo như sau:

Trong giai đoạn Ngô Càng T làm Trưởng ban BQL từ năm 2006 đến ngày 31-3-2015 đã để người dân phá, lấn chiếm rừng làm nương rẫy với diện tích 200,21 ha gồm: 66,6 ha rừng trồng làm giàu (rừng trồng năm 2001, mất diện tích 26,1 ha; rừng trồng năm 2004, mất diện tích 40,5 ha) và 133,61 ha rừng trồng phòng hộ (trồng năm 2002, mất diện tích 17,35 ha; trồng năm 2003, mất diện tích 24,57 ha; trồng năm 2004 là 82,53 ha; trồng năm 2005 là 9,16 ha). Căn cứ kết quả giám định xác định số tiền thiệt hại do để mất diện tích rừng nêu trên là 2.348.744.159 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 14-12-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai:

Tuyên bố bị cáo Ngô Càng T phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Ngô Càng T 02 (**hai**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt Lê Tiến H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"; quyết định bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28-12-2021, Ngô Càng T kháng cáo xin hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 28-12-2021, Ngô Càng T kháng cáo; đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, chỉ xin được hưởng án treo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Từ năm 2006 đến ngày 31-12-2015, Ngô Càng T là Trưởng ban Ban Quản lý rừng phòng hộ I. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo đã không thực hiện đúng chức trách được giao. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở cấp dưới phụ trách công tác quản lý, bảo vệ rừng, không có biện pháp để ngăn chặn, xử lý triệt để, không kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền, đề xuất giải pháp xử lý việc người dân phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy đã để mất 200,21 ha rừng trồng gây thiệt hại cho nhà nước 2.348.744.159 đồng.

Hành vi phạm tội của Ngô Càng T xảy ra từ năm 2001 đến năm 2015, gây thiệt hại số tiền trên 1.500.000.000 đồng. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì tội phạm có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm; theo quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, thì tội phạm có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 24-6-2017, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Trong quá trình thực hiện nhiêm vụ được giao, Ngô Càng T đã thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng dẫn đến 200,21 ha rừng trồng bị chết do không chăm sóc, không bảo vệ đúng quy định, bị mất do người dân lấn chiếm, phá rừng để canh tác, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, nên cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp 500.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp thêm 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; quá trình công tác, bị cáo được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai tặng Giấy khen; bị hại là UBND tỉnh Gia Lai và Ban QLRPH I đều cho rằng vụ án xảy ra tại thời điểm Ban Quản lý được giao diện tích rừng rất lớn, công việc nhiều, nhưng lực lượng lại mỏng, năng lực chuyên môn, năng lực lãnh đạo hạn chế mới dẫn đến hành vi phạm tội và đề nghị khoan hồng cho bị cáo; ngoài ra, bản thân bị cáo tuổi đã cao, bị bệnh cao huyết áp, đái tháo đường và bị tai biến (có bệnh án của Bệnh viện). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù, Ngô Càng T chỉ kháng cáo về hình phạt, nhưng do tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp thêm tiền để bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết cả nội dung này.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Càng T.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HSST ngày 14-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Ngô Càng T 02 (**hai**) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (**bốn**) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Ngô Càng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ia Kha, huyện I, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Ia Kha, huyện I trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Ngô Càng T bồi thường cho UBND tỉnh Gia Lai số tiền 2.348.744.159 đồng (hai tỷ ba trăm bốn tám triệu bảy trăm bốn bốn nghìn một năm chín đồng). Bị cáo đã nộp 700.000.000 đồng theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 12-10-2020 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh gia Lai (bút lục số 1227) và các Biên lai thu thu tiền số AA/2015/0008334 ngày 18-8-2021, số 0006436 ngày 13-9-2021 và số 0000617 ngày 21-4-2022, đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 1.648.744.159 đồng (một tỷ sáu trăn bốn tám triệu bảy trăm bốn bốn nghìn một năm chín đồng).

- Giao trả cho UBND tỉnh Gia Lai số tiền bồi thường thiệt hại là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo các biên lai thu tiền nêu trên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Ngô Càng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo Ngô Càng T (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường